

Số: **4596** /TCHQ-PC

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2022

V/v thực hiện pháp luật xử lý
VPHC

Kính gửi:

- Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Cục Điều tra chống buôn lậu;
- Cục Kiểm tra sau thông quan.

Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa 14 đã ban hành Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Chính phủ đã ban hành Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tổng cục Hải quan đã có văn bản triển khai thực hiện Luật số 67/2020/QH14, Nghị định 118/2021/NĐ-CP (công văn số 5820/TCHQ-PC ngày 10/12/2021, công văn 6255/TCHQ-PC ngày 31/12/2021). Trên cơ sở trao đổi ý kiến với Bộ Tư pháp, Tổng cục Hải quan lưu ý một số nội dung sau trong quá trình thực hiện các văn bản này:

1. Về thủ tục tịch thu hàng hóa đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm:

Khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 67/2020/QH14 (sau đây viết tắt là Luật Xử lý VPHC) quy định: *Đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cầm tang trữ, cầm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm đó.*

Về việc xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính, điểm b khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý VPHC quy định: *Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo*

lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Theo đó, đối với vụ việc không xác định được đối tượng vi phạm, nếu hành vi vi phạm thuộc trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý VPHC; đồng thời, tang vật vi phạm thuộc các trường hợp tạm giữ theo các điểm a và b khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính và thực tế đã thực hiện tạm giữ tang vật vi phạm thì cơ quan, người có thẩm quyền phải thực hiện trình tự, thủ tục để tịch thu tang vật vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý VPHC.

(Khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý VPHC quy định: Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây:

a) Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt. Trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì áp dụng quy định của khoản 3 Điều 60 của Luật này;

b) Để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội;”).

Trong thực tiễn, nếu có trường hợp khi phát hiện vi phạm hành chính, cơ quan người có thẩm quyền xác định ngay được hành vi vi phạm, tình tiết vi phạm và có căn cứ cho rằng không xác định được đối tượng vi phạm mà không cần phải thực hiện tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm thì cơ quan, người có thẩm quyền có thể thực hiện việc ra quyết định tịch thu tang vật vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý VPHC.

2. Về xử lý vụ việc khi quá thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính

Thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính, khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021.

Khoản 8 Điều 58 Luật Xử lý VPHC quy định: *“biên bản vi phạm hành chính phải được lập đúng nội dung, hình thức, thủ tục theo quy định của Luật này và là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính... ”*. Theo đó, trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập nhưng không đúng thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP thì không thể làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Việc ban hành quyết định xử phạt căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính được lập không đúng thời hạn là vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định xử phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định 118/2021/NĐ-CP, người có thẩm quyền phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ quyết định xử phạt có vi phạm và có thể bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo

quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp này, nếu có căn cứ để ban hành quyết định mới, thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định mới hoặc chuyển người có thẩm quyền ban hành quyết định mới.

Yêu cầu các đơn vị chủ động rà soát việc lập biên bản VPHC sau ngày 01/01/2022 nhưng quá thời hạn lập biên bản VPHC (nếu có), xác định lý do cụ thể (khách quan và chủ quan), báo cáo **Tổng cục (kèm đề xuất việc xử lý) trước ngày 15/11/2022.**

3. Về việc tính thời hạn ra quyết định xử phạt trong trường hợp giải trình

Thời hạn ra quyết định xử phạt đối với các trường hợp giải trình được thực hiện theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý VPHC, Điều 17 Nghị định 118/2021/NĐ-CP. Theo đó,

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc không gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Xử lý VPHC hoặc ghi rõ ý kiến trong biên bản VPHC về việc không thực hiện quyền giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý VPHC *(7 ngày kể từ ngày lập biên bản VPHC hoặc 10 ngày kể từ ngày lập biên bản VPHC đối với vụ việc phải chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt).*

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có yêu cầu giải trình theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 61 Luật Xử lý VPHC, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý VPHC.

(Điểm b khoản 1 Điều 66 quy định: đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Điểm c khoản 1 Điều 66 quy định: đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính).

Ngoài ra, đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình nhưng đến ngày cuối cùng của thời hạn giải trình mà người có thẩm quyền xử phạt không nhận được văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý VPHC. Trường hợp sau khi ban hành quyết định xử phạt mới nhận được văn bản giải trình thì có thể xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ quyết định xử phạt đã được ban hành theo quy định (nếu văn bản giải trình có cơ sở).

4. Về thời hạn tạm giữ tang vật vi phạm hành chính

Thời hạn tạm giữ tang vật vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý VPHC. Khi hết thời hạn tạm giữ theo quy định, mà tang vật vi phạm đó không bị tịch thu thì người có thẩm quyền phải trả lại tang vật vi phạm hành chính cho cá nhân, tổ chức.

5. Về việc chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý VPHC quy định: “...trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa”.

Khoản 8 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP quy định: người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức liên quan nếu có lỗi trong việc chuyển biên bản vi phạm hành chính hoặc hồ sơ vụ vi phạm không đúng thời hạn dẫn đến quá thời hạn ra quyết định xử phạt thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo đó:

- Đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, thì trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, Thủ trưởng đơn vị nơi xảy ra vi phạm ký văn bản chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt; đồng thời biên bản và hồ sơ vụ vi phạm phải được đơn vị chuyển đi trong thời gian đó.

- Đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Chủ tịch UBND cấp tỉnh:

Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan căn cứ tình hình thực tế ở đơn vị mình để phân định thẩm quyền ký văn bản chuyển biên bản vi phạm hành chính đến Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Chủ tịch UBND cấp tỉnh để xử phạt theo thẩm quyền; đảm bảo nguyên tắc trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, văn bản chuyển biên bản vi phạm hành chính phải được ký và đồng thời được chuyển đi trong thời hạn đó (kèm hồ sơ vụ việc vi phạm – nếu có).

6. Về thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Khoản 3 Điều 23 Quyết định 166/QĐ - TCHQ ngày 18/01/2021 của Tổng cục Hải quan Ban hành Bản hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành

chính, giải quyết khiếu nại về xử phạt vi phạm hành chính trong ngành hải quan quy định "Đối với các quyết định xử phạt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chuyển hồ sơ vụ vi phạm có trách nhiệm theo dõi việc thi hành quyết định xử phạt và báo cáo tình hình thực hiện quyết định xử phạt cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biết.

Trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính không được thực hiện đúng thời hạn quy định thì Cục trưởng Cục Hải quan có trách nhiệm đề xuất việc áp dụng biện pháp cưỡng chế để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định cưỡng chế".

Thời gian vừa qua, có tình trạng đơn vị hải quan ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt đối với quyết định xử phạt do Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 73, Điều 87 Luật Xử lý VPHC, Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và quy định tại khoản 3 Điều 23 Quyết định 166/QĐ - TCHQ ngày 18/01/2021 của Tổng cục Hải quan.

7. Về việc ghi thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Đối với trường hợp Quyết định xử phạt do Công chức ban hành, phần "Thẩm quyền ban hành" tại mẫu Quyết định xử phạt ghi "Công chức thuộc Chi cục Hải quan..."; về phần "chức vụ của người ký" (Chú thích số 21 của mẫu Quyết định xử phạt): trường hợp Công chức không có chức vụ thì không ghi nội dung "chức vụ của người ký", chỉ cần ghi "CÔNG CHỨC", ký và ghi rõ họ tên người ký.

Trên đây là một số ý kiến của Tổng cục Hải quan về việc thực hiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, các đơn vị nghiên cứu triển khai thực hiện tại đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PC (02).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Mai Xuân Thành